

CHUYÊN ĐỀ TRỌNG ÂM - STRESS

Thầy giáo Vũ Văn Cương – Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ

A. LÝ THUYẾT

1. Định nghĩa về trọng âm

Tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm tiết. Những từ có hai âm tiết trở lên luôn có một âm tiết phát âm khác biệt hẳn so với những âm tiết còn lại về độ dài, độ lớn và độ cao. Âm tiết nào được phát âm to hơn, giọng cao hơn và kéo dài hơn các âm khác trong cùng một từ thì ta nói âm tiết đó được nhấn trọng âm. Hay nói cách khác, trọng âm rơi vào âm tiết đó.

Khi nhìn vào phiên âm của một từ thì trọng âm của từ đó được kí hiệu bằng dấu (') ở phía trước, bên trên âm tiết đó.

Ví dụ:

- happy /'hæpi/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- clever /'klevər/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- arrange /ə'reɪndʒ/: trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
- engineer /endʒi'nɪə/: trọng âm rơi vào âm tiết cuối (âm 3)

2. Ý nghĩa của trọng âm

Trọng âm từ đóng vai trò quan trọng trong việc phân biệt được từ này với từ khác khi chúng ta nghe và nói tiếng Anh. Người bản ngữ phát âm bất cứ từ nào đều có trọng âm. Vì vậy, đặt trọng âm sai âm tiết hay không sử dụng trọng âm sẽ khiến người bản xứ khó có thể hiểu được là người học tiếng Anh muốn nói gì và họ cũng gặp không ít khó khăn trong việc nghe hiểu người bản xứ. Chẳng hạn: Từ desert có hai cách nhấn trọng âm: trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất /'dezət/ thì đó là *danh từ*, có nghĩa là *sa mạc*, nhưng trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai /dɪ'zɜ:t/ thì đó là *động từ*; có nghĩa là *bỏ rơi, đào ngũ*. Trong tiếng Anh, có một số từ được viết giống nhau nhưng trọng âm ở vị trí khác nhau tùy theo từ loại. Như vậy phát âm đúng trọng âm của một từ là yếu tố đầu tiên giúp chúng ta có thể nghe hiểu và nói được như người bản ngữ.

3. Âm tiết tiếng Anh

Để hiểu được trọng âm của một từ, trước hết chúng ta phải hiểu được thế nào là âm tiết. Mỗi từ đều được cấu tạo từ các âm tiết. Âm tiết là một đơn vị phát âm, gồm có một âm nguyên âm (/ʌ/, /æ/, /ɑ:/, /ɔɪ/, / ʊ ə /...) và các phụ âm (p, k, t, m, n....) bao quanh hoặc không có phụ âm bao quanh. Từ có thể có một, hai, ba hoặc nhiều hơn ba âm tiết.

Ví dụ:

beautiful /'bjʊ:tɪfʊl/: có ba âm tiết.

quickly /'kwɪkli/: có hai âm tiết.

4. Các quy tắc đánh trọng âm

a. Trọng âm theo phiên âm

Quy tắc

- **Trọng âm không bao giờ rơi vào âm /ə/ hoặc là âm /əʊ/.**

Ví dụ:

mother / 'mʌðə /: trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất vì âm thứ hai có chứa âm / ə / . hotel / ,həʊ'tel /: trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai vì âm thứ nhất có chứa âm / əʊ /

*Lưu ý: Nếu như trong một từ có chứa cả hai loại âm là / ə / và / əʊ / thì trọng âm rơi vào phần có chứa âm / əʊ / .

Ví dụ:

suppose / sə'pəʊz /: trọng âm rơi vào âm thứ hai. ago / ə'gəʊ /: trọng âm rơi vào âm thứ hai.

opponent / ə'pəʊnənt /: trọng âm rơi vào âm thứ hai.

-**Trọng âm thường rơi vào nguyên âm dài/nguyên âm đôi hoặc âm cuối kết thúc với nhiều hơn một phụ âm.**

Ví dụ:

disease/ di'zi:z /: trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai vì âm thứ hai có chứa nguyên âm dài /i:/.

explain / iks'pleɪn /: trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai vì âm thứ hai có chứa nguyên âm đôi /ei/. comprehend / ,kɒmpri'hend /: trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba vì âm thứ ba kết thúc với hai phụ âm /nd/.

- **Nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.**

Ví dụ:

happy / 'hæpi /: trọng âm rơi vào âm tiết đầu, vì cả / æ / và /i/ đều là nguyên âm ngắn.

animal / 'æniml /: trọng âm rơi vào âm tiết đầu vì cả / æ / , /i/ , / ə / đều là nguyên âm ngắn.

Bài tập áp dụng

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|----------------|--------------|-------------|-----------|
| 1. A. writer | B. carefully | C. industry | D. comply |
| 2. A. enter | B. country | C. canal | D. cover |
| 3. A. patient | B. ashamed | C. trouble | D. alter |
| 4. A. sentence | B. suggest | C. species | D. system |
| 5. A. believe | B. defeat | C. attack | D. happen |

6. A. ancient	B. attract	C. alive	D. across
7. A. person	B. surgeon	C. purpose	D. possess
8. A. hotel	B. provide	C. retire	D. cancel
9. A. rapid	B. private	C. reason	D. complain
10. A. paper	B. police	C. people	D. cinema
11. A. damage	B. invent	C. destroy	D. demand
12. A. deny	B. marry	C. apply	D. surprise
13. A. pretty	B. polite	C. answer	D. honest
14. A. farmer	B. fairy	C. country	D. machine
15. A. borrow	B. allow	C. agree	D. prepare

b. Trọng âm với hậu tố/đuôi

Hậu tố là thành phần được thêm vào sau từ gốc. Hậu tố không phải là một từ và cũng không có nghĩa khi nó đứng riêng biệt.

Hậu tố/đuôi nhận trọng âm

+ **-eer:**

Ví dụ: volunteer/ .vɒlən'tiə /, career/ kə'riə /

+ **-ee:**

Ví dụ: employee /empl ɔ'i:/, interviewee / intəvju:'i:/

+ **-oo:**

Ví dụ: bamboo/ ,bam'bu:/, taboo/ tə'bu: /

+ **-oon:**

Ví dụ: afternoon/ ,ɑ:ftə'nu:n /, cartoon/ kɑ:'tu:n /

+ **-ese:**

Ví dụ: Vietnamese / ,viɛtnə'mi:z /

+ **-ette:**

Ví dụ: cigarette / ,sɪgə'ret /

+ **-esque:**

Ví dụ: picturesque / . ,pɪktʃə'resk /

+ **-ade:**

Ví dụ: lemonade / ,lemə'neɪd /

+ **-mental:**

Ví dụ: environmental / ɪn ,vaɪərən'ment(ə)l /

+ **-nental:**

Ví dụ: continental / ,kɒntɪ'nent(ə)l /

+ **-ain:**

Ví dụ: entertain / ,entə'teɪn /

Hậu tố/ đuôi làm trọng tâm rơi vào trước âm đó

+ -ion:

Ví dụ: population / ,pɒpjʊ'leɪʃ(ə)n /

+ -ic:

Ví dụ: economic / ,i:kə'nɒmɪk /

+ -ial:

Ví dụ: industrial / ɪn'dʌstriəl /

+ -ive:

Ví dụ: expensive / ɪk'spensɪv /

+ -ible:

Ví dụ: responsible / rɪ'spɒnsɪb(ə)l /

+ -ity:

Ví dụ: ability / ə'bɪləti /

+ -graphy:

Ví dụ: photography / fə'tɒɡrəfi /

+ -ious/eous:

Ví dụ: industrious / ɪn'dʌstriəs /, advantageous / ,ædvən'teɪdʒəs /

+ -ish:

Ví dụ: selfish / 'selfɪʃ /

+ -ian:

Ví dụ: politician / ,pɒlɪ'tɪʃ(ə)n /

Hậu tố/ đuôi làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên

+ -y:

Ví dụ: biology / baɪ'ɒlədʒi /, accompany / ə'kʌmpəni /

+ -ce:

Ví dụ: independence / ,ɪndɪ'pend(ə)ns /, difference / 'dɪf(ə)r(ə)ns /

+ -ate:

Ví dụ: graduate / 'ɡrædʒʊeɪt /, concentrate / 'kɒns(ə)ntreɪt /

+ -ise/ ize:

Ví dụ: apologise / ə'pɒlədʒaɪz /

+ -ism/izm:

Ví dụ: tourism / ,tuəɪz(ə)m /, criticism / 'krɪtɪsɪz(ə)m /

Hậu tố không ảnh hưởng đến trọng âm của từ

- Trừ những hậu tố đã được liệt kê ở các mục a, b, c của phần 2 thì tất cả những hậu tố còn lại đều không ảnh hưởng đến trọng âm của từ.

Ví dụ:

+ **-ful:**

careful / 'keəfʊl / (đuôi -ful không ảnh hưởng nên từ careful trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất và trọng âm rơi vào nguyên âm đôi eə.)

+ **-er:**

danger / 'deɪn(d)ʒə / (đuôi -er không ảnh hưởng nên từ danger trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-or:**

actor / 'æktə / (đuôi -or không ảnh hưởng nên từ actor trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-ist:**

scientist / 'saɪəntɪst / (đuôi -ist không ảnh hưởng đến trọng âm của từ và theo quy tắc trọng âm rơi vào nguyên âm đôi /ai/. Do đó, từ scientist trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-ous:**

dangerous / 'deɪn(d)ʒ(ə)rəs / (đuôi -ous và đuôi -er không ảnh hưởng đến trọng âm của từ nên từ

dangerous trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất)

+ **-ly:**

quickly / 'kwɪkli / (đuôi -ly không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ quickly trọng âm rơi vào âm tiết đầu.)

+ **-hood:**

childhood / 'tʃɪldhʊd / (đuôi -hood không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ childhood có trọng âm rơi vào âm tiết đầu.)

+ **-ship:**

membership / 'membəʃɪp / (đuôi -ship và đuôi -er không ảnh hưởng đến trọng âm của từ nên từ membership trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-ment:**

entertainment / ,entə'teɪnm(ə)nt / (đuôi -ment không ảnh hưởng đến trọng âm của từ, nên ta xét đến đuôi -ain. Theo quy tắc, đuôi -ain nhận trọng âm nên từ entertainment trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.)

+ **-al:**

historical / hɪ'stɔːrɪk(ə)l / (đuôi -al không ảnh hưởng nên ta bỏ qua đuôi -al và xét đến đuôi -ic. Theo quy tắc, đuôi -ic làm trọng âm rơi vào trước âm đó. Do đó, từ historical trọng âm rơi

vào âm tiết thứ hai.)

+ **-less:**

homeless / 'həʊmləs / (đuôi -less không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ homeless trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-ness**

friendliness / 'fren(d)lɪnəs / (đuôi -ness và đuôi -ly không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ friendliness có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-age:**

shortage / 'ʃɔ:tɪdʒ / (đuôi -age không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ shortage có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-ure:**

pleasure / 'pleʒə / (đuôi -ure không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ pleasure có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-ledge:**

knowledge / 'nɒlɪdʒ / (đuôi -ledge không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ knowledge có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-ing:**

teaching / 'ti:tʃɪŋ / (đuôi -ing không ảnh hưởng đến trọng âm của từ trường hợp này có i:. Do đó, từ teaching có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-ed:**

listened / 'lɪs(ə)nd / (đuôi -ed không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, listened có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.)

+ **-able:**

comfortable / 'kʌmf(ə)təb(ə)l / (đuôi -able không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ comfortable có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.)

+ **-dom:**

freedom / 'fri:dəm / (đuôi -dom không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ freedom có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-some:**

troublesome / 'trʌb(ə)ls(ə)m / (đuôi -some không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ troublesome có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.)

+ **-ent/-ant**

dependent / dɪ'pend(ə)nt / (đuôi -ent không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ dependent trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai theo quy tắc trọng âm rơi vào những âm kết thúc với nhiều hơn một phụ âm.) **assistant** / ə'sɪst(ə)nt / (đuôi -ant không ảnh hưởng

đến trọng âm của từ. Do đó, từ assistant trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm / ə /.)

Bài tập áp dụng

Mark the letter A, B, c or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|----------------------|-----------------|-----------------|------------------|
| 1. A. compulsory | B. technology | C. academic | D. eliminate |
| 2. A. exploration | B. attractive | C. conventional | D. impatient |
| 3. A. responsible | B. apprehension | C. preferential | D. understanding |
| 4. A. responsibility | B. trigonometry | C. conversation | D. documentary |
| 5. A. doubtful | B. solidify | C. politics | D. stimulate |
| 6. A. brotherhood | B. vertical | C. opponent | D. penalty |
| 7. A. economics | B. sociology | C. mathematics | D. philosophy |
| 8. A. climate | B. attractive | C. graduate | D. company |
| 9. A. satisfy | B. sacrifice | C. apology | D. richness |
| 10. A. activity | B. allergic | C. volunteer | D. employer |
| 11. A. automatic | B. reasonable | C. mathematics | D. preservation |
| 12. A. dangerous | B. successful | C. physical | D. gravity |

c. Trọng âm với tiền tố

Tiền tố là thành phần được thêm vào trước từ gốc. Tiền tố không phải là một từ và cũng không có nghĩa khi nó đứng riêng biệt.

Trọng âm không bao giờ rơi vào **tiền tố**. Tiền tố không ảnh hưởng đến trọng âm của từ.

Ví dụ:

+ **un-**:

unhappy / ʌn'hæpi / (Vì tiền tố un- không ảnh hưởng đến trọng âm của từ nên ta chỉ xét trọng âm của từ happy. Do đó, từ unhappy trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Theo quy tắc tiền tố un- và quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.)

+ **in-**:

inexpensive / ɪnɪk'spensɪv / (vì tiền tố in- không ảnh hưởng đến trọng âm của từ và hậu tố -ive làm trọng âm rơi vào trước hậu tố) Do đó, từ inexpensive trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.)

+ **im-**:

impolite / ɪmpə'laɪt / (vì tiền tố im- không ảnh hưởng đến trọng âm của từ và quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/. Do đó, từ impolite trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.)

+ **ir-**:

irresponsible / ɪrɪ'spɒnsɪb(ə)l / (vì tiền tố ir- không ảnh hưởng đến trọng âm của từ và hậu tố -ible làm trọng âm rơi vào trước hậu tố. Do đó, từ irresponsible trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.)

+ **il-**:

illogical / ɪ'lɒdʒɪk(ə)l / (vì tiền tố il- và hậu tố -al không ảnh hưởng đến trọng âm của từ nhưng hậu tố -al làm trọng âm rơi vào trước hậu tố. Do đó, từ illogical trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.)

+ **dis**

dishonest / dɪs'ɒnɪst / (vì tiền tố dis- không ảnh hưởng đến trọng âm của từ và quy tắc nếu tất cả các âm mà ngăn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu. Do đó, từ dishonest trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.)

+ **non-**:

non-profit /nɒn' prɒfɪt / (vì tiền tố non- không ảnh hưởng đến trọng âm của từ và quy tắc nếu tất cả các âm mà ngăn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu. Do đó, từ non-profit trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.)

+ **re-**:

reproductive / ɪrɪ:prə'dʌktɪv / (vì tiền tố re- không ảnh hưởng đến trọng âm của từ và hậu tố -ive làm trọng âm rơi vào trước hậu tố. Do đó, từ reproductive trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.)

+ **ab-**:

abnormal / əb'nɔ:m(ə)l / (vì tiền tố ab- và hậu tố -al không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ abnormal trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.)

+ **en-**:

enrichment / en' rɪtʃm(ə)nt / (vì tiền tố en- và hậu tố -ment đều không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Do đó, từ enrichment trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.)

+ **inter-**:

internationally / ɪntə'næʃ(ə)n(ə)li / (vì tiền tố -inter và hậu tố -ly, -al không ảnh hưởng đến trọng âm của từ, hậu tố -ion làm trọng âm rơi vào trước âm đó. Do đó, từ internationally trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.)

+ **mis-**:

misunderstanding / ˌmɪsʌndə'stændɪŋ / (vì tiền tố mis- và hậu tố -ing không ảnh hưởng đến trọng âm của từ nên từ misunderstanding trọng âm rơi vào âm tiết thứ tư.)

d. Trọng âm đối với từ ghép

Danh từ ghép

Noun + Noun : trọng âm rơi vào danh từ đầu

Ví dụ:

birthday / 'bɜːrθdeɪ / airport / 'eəpɔːt /

Adj + Noun : trọng âm rơi vào tính từ

Ví dụ:

blackboard / 'blækbɔːk //

grandparents / 'græn,peərənts/

Gerund + Noun : trọng âm rơi vào danh động từ

Ví dụ:

washing machine / ,wɒʃɪŋməʃiːn /

waiting room / 'weɪtɪŋrʊm /

Noun + Gerund : trọng âm rơi vào danh từ

Ví dụ:

handwriting / 'hænd,raɪtɪŋ/daydreaming / 'deɪdriːmɪŋ /

Noun + Verb + er : trọng âm rơi vào danh từ

Ví dụ:

goalkeeper / 'gəʊlkiːpə /

holidaymaker / 'hɒlɪdeɪ,meɪkə/

* Từ đó, suy ra với danh từ ghép, trọng âm rơi vào từ đầu

Động từ ghép

Với động từ ghép, trọng âm rơi vào từ đầu.

Ví dụ

become / bɪ'kʌm / understand / ,ʌndə'stænd /

Tính từ ghép

Noun + Adj : trọng âm rơi vào danh từ

Ví dụ:

homesick / 'həʊm,sɪk / airtight / 'eətaɪt /

trustworthy / 'trʌst,wɜːði /

Noun + Vp2 : trọng âm rơi vào Vp2 Ví dụ:

handmade / han(d)'meɪd /

Adj + Adj : trọng âm rơi vào tính từ thứ hai Ví dụ:

red-hot /

'red'hɒt /

darkblue /

,dɑːk bluː/

Adj + N + ed : trọng âm rơi vào từ thứ hai

Ví dụ

bad-tempered / ,bæd'tempəd / old-fashioned /
ould'fæʃənd /

Adj + Noun : trọng âm rơi vào tính từ

Ví dụ:

long-distance / 'lɒŋ,dɪstəns/high-quality / ,haɪ 'kwɒlɪti /

Adj + Vp2 : trọng âm rơi vào từ thứ hai

Ví dụ:

clear-cut / klɪə'kʌt /

ready-made / 'redi 'meɪd /

Adv + Gerund : trọng âm rơi vào từ thứ hai Ví dụ:

far-reaching / fɑ:'ri:tʃɪŋ / hard-working / 'hɑ:dwɜ:kɪŋ/

V. Lưu ý:

- Với những từ mà vừa làm danh từ và động từ, hoặc là vừa là danh từ và tính từ hoặc vừa là tính từ vừa là động từ thì trọng âm được xác định như sau:

+ Với danh từ và tính từ, trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

+ Với động từ, trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Ví dụ:

• PREsent / 'prezənt / (n/a): hiện tại/có mặt

preSENT / pri'zent/ (v): trình bày

• PERfect / 'pə:fɪkt/ (n/a): thời hoàn thành/hoàn hảo

perFECT / pə'fekt/ (v): làm cho thành thạo

- Những từ có đuôi -ary trọng âm sẽ dịch chuyển bốn âm tính từ cuối lên.

Ví dụ:

dictionary / 'dɪkʃ(ə)n(ə)ri / vocabulary / və(ʊ)'kæbjʊləri / secretary / 'sekɹət(ə)ri /

(Ngoại trừ từ documentary/ ,dɒkjʊ'ment(ə)ri /)

- Những từ có đuôi -ive nhưng nếu trước -ive mà có chứa âm /o/ thì trọng âm sẽ rơi âm cách đuôi -ive hai âm.

Ví dụ:

relative / 'relatɪv /

- Một số ngoại lệ:

1. Đuôi -ion làm trọng âm rơi vào trước -ion nhưng từ **television** / 'telɪvɪʒən / trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

2. Đuôi -y làm trọng âm dịch 3 âm tính từ cuối lên nhưng **obligatory** / ə'blɪgətəri / trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.

3. Đuôi -ic làm trọng âm rơi vào trước âm đó nhưng:

+ politics / 'pɒlətɪks /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

+ lunatic / 'lu:nətɪk /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

- + arithmetic / ə'riθmətik /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
- + rhetoric / 'retərɪk /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + heretic / 'herətɪk /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + arsenic / 'ɑ:sənɪk /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + turmeric / 'tʃ:məɪk /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + bishopric / 'bɪʃəprɪk /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

4. Đuôi - ee/eer nhận trọng âm nhưng:

- + coffee / 'kɒfi /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + reindeer / 'reɪndɪər /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + committee / kə'mɪti /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
- + employee / ,ɪm'plɔɪi:/ hoặc /,emplɔɪ'i:/: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai hoặc thứ ba.

5. Đuôi - ive làm trọng âm rơi vào trước âm đó nhưng:

- + primitive / 'prɪmɪtɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + relative / 'relətɪv/: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất
- + competitive / kəm'petɪtɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
- + sensitive / 'sensɪtɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + additive / 'ædətɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + adjective / 'ædʒektɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + cooperative / kəʊ'ɒpərətɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
- + initiative / ɪ'nɪʃətɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
- + positive / 'pɒzətɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + negative / 'negətɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
- + preservative / prɪ'zɜ:vətɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
- + representative / ,reprɪ'zentətɪv /: từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Exercise 1: Mark the letter A, B, c or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|----------------|------------|-------------|-------------|
| 1. A. disease | B. humor | C. cancer | D. cattle |
| 2. A. persuade | B. reduce | C. increase | D. offer |
| 3. A. appoint | B. gather | C. threaten | D. vanish |
| 4. A. explain | B. provide | C. finish | D. surprise |
| 5. A. beauty | B. easy | C. lazy | D. reply |

- | | | | |
|---------------------|-----------------|-----------------|----------------|
| 6. A. significant | B. convenient | C. fashionable | D. traditional |
| 7. A. contrary | B. graduate | C. document | D. attendance |
| 8. A. emphasize | B. contribute | C. maintenance | D. heritage |
| 9. A. committee | B. referee | C. employee | D. refugee |
| 10. A. apprehension | B. preferential | C. conventional | D. Vietnamese |

Exercise 2: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|---------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1. A. elephant | B. dinosaur | C. buffalo | D. mosquito |
| 2. A. image | B. predict | C. envy | D. cover |
| 3. A. company | B. atmosphere | C. customer | D. employment |
| 4. A. commit | B. index | C. pyramid | D. open |
| 5. A. habitat | B. candidate | C. wilderness | D. attendance |
| 6. A. satisfactory | B. alter | C. military | D. generously |
| 7. A. enrichment | B. advantage | C. sovereignty | D. edition |
| 8. A. economic | B. considerate | C. continental | D. territorial |
| 9. A. interact | B. specify | C. illustrate | D. fertilize |
| 10. A. characterize | B. facility | C. irrational | D. variety |

Exercise 3: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|--------------------|----------------|-----------------|----------------------|
| 1. A. depend | B. vanish | C. decay | D. attack |
| 2. A. classroom | B. agreement | C. mineral | D. violent |
| 3. A. accountant | B. professor | C. develop | D. typical |
| 4. A. energy | B. window | C. energetic | D. exercise |
| 5. A. poison | B. thoughtless | C. prevention | D. harmful |
| 6. A. traditional | B. majority | C. appropriate | D. electrician |
| 7. A. imprisonment | B. behave | C. dissatisfied | D. picturesque |
| 8. A. afternoon | B. necessary | C. compliment | D. serious |
| 9. A. discuss | B. attentive | C. conclusion | D. conversationalist |
| 10. A. invitation | B. computation | C. industry | D. understand |

Exercise 4: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the

word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|--------------------|-----------------|------------------|------------------|
| 1. A. obligatory | B. geographical | C. international | D. undergraduate |
| 2. A. blackboard | B. listen | C. between | D. student |
| 3. A. interview | B. community | C. vocational | D. idea |
| 4. A. national | B. open | C. college | D. curriculum |
| 5. A. preservation | B. sympathetic | C. individual | D. television |
| 6. A. respectful | B. interesting | C. forgetful | D. successful |
| 7. A. genuine | B. kangaroo | C. generous | D. fortunate |
| 8. A. technique | B. regional | C. satellite | D. interesting |
| 9. A. compulsory | B. centenarian | C. technology | D. variety |
| 10. A. informal | B. supportive | C. personnel | D. apparent |

Exercise 5: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|--------------------|-----------------|---------------|----------------|
| 1. A. arrive | B. harrow | C. repair | D. announce |
| 2. A. secondary | B. domestically | C. miraculous | D. immediate |
| 3. A. attract | B. verbal | C. signal | D. social |
| 4. A. counterpart | B. communicate | C. attention | D. appropriate |
| 5. A. category | B. accompany | C. experience | D. compulsory |
| 6. A. reply | B. appear | C. protect | D. order |
| 7. A. catastrophic | B. preservation | C. fertilizer | D. electronic |
| 8. A. conserve | B. achieve | C. employ | D. waver |
| 9. A. measurement | B. information | C. economic | D. engineer |
| 10. A. surgery | B. discover | C. irrigate | D. vaporize |